TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2022/HS-ST
Ngày: 10-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Văn Sín

Bà Hoàng Thị Huyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2022/TLST-HS ngày 16/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HS ngày 30/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/HSST-QĐ, ngày 14/7/2022 đối với bị cáo:

Nông Văn C (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 14 tháng 02 năm 1990 tại huyện Y, tỉnh Yên Bái. Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn Th, sinh năm 1956 và bà Vi Thị Đ, sinh năm 1954; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không

Tiền án: 02.

- Bản án số 26/2012/HSST, ngày 07/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 38 tháng tù về các tội "*Trộm cắp tài sản*", "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 138, khoản 1 Điều 139 và khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự với tình tiết tăng nặng "*Tái phạm*" quy định tại đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Chấp hành xong bản án vào ngày 02/5/2018.

- Bản án số 02/2017/HSST, ngày 17/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 36 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" với tình tiết tăng nặng

định khung *"Tái phạm nguy hiểm*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong hình phạt tù của bản án vào ngày 03/6/2019.

Đến ngày phạm tội 07/9/2020 chưa được xóa án tích đối với cả 02 bản án.

Nhân thân: Ngày 26/5/2010, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm 09 tháng tù về các tội "*Trộm cắp tài sản*" và "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 138, khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự, đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích.

Ngày 09/12/2021 bị Công an huyện N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.500.000 đồng về hành vi "*Hủy hoại tài sản của người khác*".

Ngày 24/02/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 18 tháng tù về tội "*Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ*" theo quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự tại bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2022/HS-ST. Hiện đang chấp hành án phạt tù của bản án này tại Trại tạm giam Phú Sơn 4 - Bộ Công an.

* *Bị hại:* Anh Hà Tấn N, sinh năm 2004 - Địa chỉ: Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nông Thị T, sinh năm 1973 - Địa chỉ: Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

* *Người làm chứng:* Anh Trần Quảng V, sinh năm 1994 - Địa chỉ: Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 07/9/2020, Nông Văn C, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (đang ở tại nhà chị Lý Thị H tại thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn) đi soi ếch ở khu vực ruộng đằng sau Ủy ban nhân dân xã B thuộc Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thì phát hiện 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu bạc-đen, biển số đăng ký 97B1-176.90, xe không có gương chiếu hậu (xe do anh Hà Tấn N, sinh năm 2004, trú tại Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn mượn của mẹ là bà Nông Thị T, sinh năm 1973, trú cùng địa chỉ của N để đi lại) đang được dựng ở gần chuồng bò trong khu vực trang trại của anh Trần Quảng V, sinh năm 1994, trú tại Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, đầu xe quay ra hướng đường mòn, xe đang có chìa khóa cắm ở ổ khóa điện, lợi dụng đêm tối, không có người nên C đã ngồi lên xe, mở chìa khóa điện, nổ máy và điều khiển chiếc xe mô tô theo đường mòn ra đến Quốc lộ 3 rồi theo Quốc lộ 3 điều khiển xe xuống thành phố B, sau đó đi vào huyện C, tỉnh Bắc Kạn để về nhà tại tỉnh Tuyên Quang. Trên đường đi, C có dừng lại tháo và vứt biển số đăng ký của xe xuống cạnh đường tại khu vực huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Đến sáng ngày 08/9/2020, C điều khiển xe về đến nhà tại thôn T, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, sau đó sử dụng chiếc xe trộm cắp được để đi lại. Khoảng 01 (một) tháng sau C lên cửa khẩu L thuộc huyện H, tỉnh Cao Bằng làm thuê và vẫn để chiếc xe tại nhà.

Sáng ngày 08/9/2020, anh N thức dậy thì thấy đã mất chiếc xe mô tô nhưng không trình báo đến cơ quan chức năng và đã tự tìm kiếm nhưng không có kết quả.

Ngày 25/6/2021, C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N lấy lời khai về hành vi tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ trong một vụ án khác, quá trình lấy lời khai, C tự khai nhận hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc xe mô tô vào ngày 07/9/2020.

Ngày 06/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành tạm giữ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu bạc-đen, số khung 440980, số máy 3241049, xe không có gương chiếu hậu, không có biển số đăng ký, vành xe loại vành đúc tại nhà của Nông Văn C thuộc thôn T, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, sau đó ban hành Thông báo số 282 ngày 21/10/2021 về việc truy tìm chủ sở hữu xe mô tô.

Ngày 05/01/2022, bà Nông Thị T nhận thấy chiếc xe mà Cơ quan điều tra đang truy tìm chủ sở hữu trùng khớp với chiếc xe của bà đã bị mất trộm vào đêm 07/9/2020 nên đã làm đơn trình báo đến cơ quan Công an.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 02 ngày 14/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện N kết luận: Giá của 01 (một) chiếc xe mô tô loại xe Wave, nhãn hiệu Honda, màu bạc đen, biển số đăng ký 97B1-176.90, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là 10.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSNS, ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nông Văn C về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 38, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo Nông Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 18 (mười tám) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2022/HS-ST, ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn và bản án mới, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Các vật chứng tạm giữ cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu do đó đề nghị không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nông Văn C khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bổ sung bào chữa hay khiếu nại gì. Lời sau cùng bị cáo mong được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai, ý kiến trong hồ sơ và có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản xác định hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng, lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ ngày 07/9/2020 tại khu vực trang trại của anh Trần Quảng V, sinh năm 1994 thuộc Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, Nông Văn C, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã có hành vi một mình lén lút trộm cắp 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu bạc đen, biển số đăng ký 97B1-176.90 của anh Hà Tấn N, sinh năm 2004, trú tại Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (xe N mượn của mẹ là bà Nông Thị T). Tại Kết luận định giá tài sản số 02 ngày 14/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện N, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 10.000.000 đồng.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên khi bản thân đang có 02 tiền án: Ngày 07/6/2012, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 38 tháng tù về các tội "*Trộm cắp tài sản*", "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 138, khoản 1 Điều 139 và khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự với tình tiết tăng nặng "*Tái phạm*" quy định tại đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự (Bản án số 26/2012/HSST); Ngày 17/01/2017, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 36 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" với tình tiết tăng nặng định khung *"Tái phạm nguy hiểm*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự (Bản án 02/2017/HSST). Tuy bị cáo đã chấp hành xong bản án số 26/2012/HSST vào ngày 02/5/2018 nhưng thời

hạn để xóa án tích đối với 02 bản án trên được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù của Bản án 02/2017/HSST là ngày 03/6/2019, do đó tính đến ngày phạm tội 07/9/2020, bị cáo chưa được xóa án tích đối với 02 bản án trên.

Vì vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

Điều luật có nội dung:

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:...

g) Tái phạm nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, gây mất trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản của mình. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù đang có 02 tiền án, từng bị kết án về các tội phạm xâm phạm sở hữu nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ vào tính chất vụ án, nhận thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam trong một thời gian nhất định mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam, trước khi phạm tội bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, gia đình thuộc diện hộ nghèo, không có tài sản do đó không xem xét áp dụng.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền án về các tội "*Trộm cắp tài sản*", "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" chưa được xóa án tích đối với cả 02 bản án.

Ngày 26/5/2010, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm 09 tháng tù về các tội "*Trộm cắp tài sản*" và "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 138, khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự, đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích.

Ngoài ra, ngày 24/02/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 18 tháng tù về tội "*Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ*" theo quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự (đang chấp hành bản án); Ngày 09/12/2021 bị Công an huyện N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.500.000 đồng về hành vi "*Hủy hoại tài sản của người khác*".

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo tự thú về hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là "*Người phạm tội tự thú*" và "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*".

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án: Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô là tài sản trộm cắp đã thu giữ lại được, trong quá trình điều tra, xét không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Nông Thị T. Việc trả lại tài sản trên là có căn cứ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Các vấn đề liên quan:

Đối với hành vi của bà Nông Thị T giao xe mô tô cho Hà Tấn N là người chưa đủ 18 tuổi sử dụng vào ngày 07/9/2020, cơ quan điều tra đã chuyển cho cơ quan chức năng xem xét xử lý theo quy định. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo là đối tượng gia đình thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Do vậy bị cáo được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 38, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 2 Điều 53, Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo Nông Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Xử phạt bị cáo 30 (ba mươi) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội "Tàng trữ, vận chuyển trái

phép vật liệu nổ" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2022/HS-ST ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Buộc bị cáo Nông Văn C phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 25/6/2021 theo bản án hình sự sơ thẩm số 04/2022/HS-ST ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- CA huyện;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh;
- Trại giam Phú Sơn 4;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NV liên quan;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ